

ỦY BAN DÂN TỘC

**CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
“NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VÀ CẤP BÁCH
VỀ DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ CHÍNH SÁCH DÂN TỘC
Ở VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2030”
MÃ SỐ: CTDT/16-20**

BÁO CÁO KIẾN NGHỊ

**Đề tài: CÁC GIẢI PHÁP CƠ BẢN, CẤP BÁCH
NHẪM PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG Ở VÙNG DÂN TỘC
THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI VIỆT NAM
Mã số: CTDT.41.18/16-20**

**Cơ quan chủ trì: Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Công Thương
Chủ nhiệm đề tài: TS. Trịnh Thị Thanh Thủy**

HÀ NỘI - 2020

ỦY BAN DÂN TỘC

**CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
“NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VÀ CẤP BÁCH
VỀ DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ CHÍNH SÁCH DÂN TỘC
Ở VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2030”
MÃ SỐ: CTDT/16-20**

BÁO CÁO KIẾN NGHỊ

**Đề tài: CÁC GIẢI PHÁP CƠ BẢN, CẤP BÁCH
NHẪM PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG Ở VÙNG DÂN TỘC
THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI VIỆT NAM
Mã số: CTDT.41.18/16-20**

**Cơ quan chủ trì: Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Công Thương
Chủ nhiệm đề tài: TS. Trịnh Thị Thanh Thủy**

Chủ nhiệm đề tài



Trịnh Thị Thanh Thủy

**Cơ quan chủ trì
VIỆN TRƯỞNG**



Nguyễn Văn Hội

HÀ NỘI - 2020

MỤC LỤC

1. Một số vấn đề về phát triển thị trường ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi Việt Nam	4
2. Những vấn đề cơ bản, cấp bách về phát triển thị trường hàng hoá, lao động, tài chính, khoa học và công nghệ ở vùng DTTS&MN Việt Nam	6
2.1. Những vấn đề cơ bản, cấp bách về phát triển thị trường hàng hoá ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi Việt Nam.....	6
2.2. Những vấn đề cơ bản, cấp bách về phát triển thị trường lao động ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi	7
2.3. Những vấn đề cơ bản, cấp bách về phát triển thị trường tài chính ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi	9
2.4. Những vấn đề cơ bản, cấp bách về thị trường khoa học và công nghệ ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi	10
3. Giải pháp cơ bản, cấp bách về phát triển thị trường hàng hoá, lao động, tài chính, khoa học và công nghệ ở vùng DTTS&MN Việt Nam đến năm 2030	10
3.1. Giải pháp và chính sách cơ bản, cấp bách nhằm phát triển thị trường hàng hóa ở vùng DTTS&MN nước ta đến năm 2030.....	11
3.2. Nhóm giải pháp và chính sách cơ bản, cấp bách nhằm phát triển thị trường lao động ở vùng DTTS&MN nước ta đến năm 2030	15
3.3. Nhóm giải pháp và chính sách cơ bản, cấp bách nhằm phát triển thị trường tài chính ở vùng DTTS&MN nước ta đến năm 2030	16
3.4. Nhóm giải pháp và chính sách cơ bản, cấp bách nhằm phát triển thị trường khoa học và công nghệ ở vùng DTTS&MN nước ta đến năm 2030	17
3.5. Một số kiến nghị về chương trình nghiên cứu khoa học và đề án nhằm phát triển thị trường ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi.....	18

1. Một số vấn đề về phát triển thị trường ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi Việt Nam

Thị trường là tổng thể các yếu tố và điều kiện để thực hiện giá trị hàng hóa, các yếu tố và điều kiện này liên hệ, tác động lẫn nhau theo những qui luật khách quan, phản ánh các quan hệ kinh tế giữa các chủ thể tham gia thị trường. Một cách khái quát, bên bán đại diện cho phía cung của thị trường, bên mua đại diện cho phía cầu của thị trường, các điều kiện để cung và cầu gặp nhau là các trung gian thị trường. Các bên tham gia thị trường sẽ hình thành nên sự vận hành của thị trường và các hoạt động của thị trường. Sự vận hành này sẽ theo cơ chế thị trường - được quyết định bởi các quy luật khách quan, điển hình là quy luật cung - cầu. Trên thị trường, cùng với quan hệ cung cầu là quan hệ giá cả và cạnh tranh. Nhằm đảm bảo sự công bằng của các chủ thể tham gia vào thị trường và khắc phục những thất bại (hay khuyết tật) của thị trường, cần có sự can thiệp của nhà nước dù đó là ở quốc gia nào, thể chế chính trị nào, là thị trường của các nước phát triển, đang phát triển và chậm phát triển. Ở Việt Nam, quan điểm và chủ trương về phát triển kinh tế thị trường và thị trường, được xác định, phát triển và nhất quán trong suốt tiến trình Đổi mới và mở cửa hội nhập.

Việt Nam là quốc gia đa dân tộc, với 54 dân tộc anh em, trong đó có 53 dân tộc thiểu số với khoảng 13,4 triệu người chiếm 14,6% dân số cả nước (Theo số liệu của Tổng cục Thống kê ngày 01 tháng 7 năm 2015). Các dân tộc thiểu số cư trú trên địa bàn rộng lớn, phân tán trên mọi vùng miền của Tổ quốc, nhưng chủ yếu sống ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới của đất nước. Đặc trưng điển hình của vùng dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN) là vùng còn nhiều khó khăn về mọi mặt cho phát triển so với các vùng còn lại của đất nước. Không những ở đó thiếu nhiều điều kiện cho sản xuất và tiêu thụ hàng hóa - cơ sở của cả cung và cầu, thiếu các lực hút để tụ hội các doanh nghiệp hay chủ thể kinh tế tham gia đầu tư cho cả sản xuất, phân phối và tiêu thụ, tiêu dùng hàng hóa với số lượng lớn. Mà ở đó, cũng có sự phân hóa khá rõ rệt về trình độ phát triển cả về cung, cầu và các trung gian thị trường cũng như thu nhập của bà con.

Những nội dung cơ bản phát triển thị trường ở vùng DTTS&MN, về cơ bản cũng giống như nội dung phát triển thị trường ở những vùng khác, đó là phát triển phía cung, phía cầu và các trung gian của thị trường theo cả chiều rộng và chiều sâu, trong ngắn hạn và dài hạn, đồng thời gắn với đặc trưng, đặc thù riêng có của Vùng này. Các thị trường hàng hóa, lao động, tài chính, khoa học và công nghệ ở vùng DTTS&MN có mối quan hệ tương tác, gắn bó và thúc đẩy nhau cùng phát triển. Sự phát triển của mỗi thị trường sẽ tạo ra các điều kiện và cơ hội thúc đẩy sự phát triển của những thị trường còn lại. Các thị trường này cũng là bộ phận cấu thành thị trường chung của cả nước, có mối quan hệ chặt chẽ với các loại thị

trường trong cả nước, nhưng trình độ phát triển và sự vận hành của thị trường trên bình diện chung còn kém và chậm phát triển hơn so với thị trường ở các vùng miền khác. Bởi vậy, đối với nhà nước, một định hướng quan trọng trong quản lý điều hành là phải phát triển đồng bộ các loại thị trường trên con đường đạt đến những mục tiêu đặt ra trong phát triển kinh tế - xã hội và một nền kinh tế thị trường đích thực.

Thực tế ở vùng DTTS&MN nước ta, sản xuất hàng hóa chưa hoàn toàn thay thế sản xuất tự cung tự cấp, nếu không nói là sản xuất hàng hóa chưa thực sự phát triển - đây có thể coi là gốc rễ của sự chậm phát triển của thị trường hàng hóa cũng như các thị trường dịch vụ và thị trường có liên quan khác. Mặc dù, ở vùng DTTS&MN cũng đã có những điểm sáng và điểm “rục rở” ở khu vực sản xuất hàng hóa phát triển với những sản phẩm hàng hóa đã tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu (như cà phê, chè, tiêu, bắp, điều, trái cây,...), nhưng do rất nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, những thành tựu này không mang tính phổ biến và giá trị do đồng bào dân tộc thiểu số tạo ra và thu được còn khá khiêm tốn, hay còn ở những nấc thang giá trị thấp trong chuỗi giá trị của những hàng hóa đó.

Ở vùng DTTS&MN nước ta, các loại thị trường đều chậm phát triển so với các vùng miền khác trong cả nước, thậm chí có những thị trường còn rất sơ khai, chưa thực sự vận hành theo cơ chế thị trường với quy luật cung cầu, đó là những thị trường dịch vụ như thị trường khoa học công nghệ, lao động, tài chính, logistics.... Trong các loại thị trường, cũng như ở các vùng miền khác của cả nước, có thể nhận thấy, thị trường hàng hóa phát triển sớm nhất và đầy đủ nhất so với các thị trường khác và cũng là tiền đề, là cơ sở cho sự phát triển của các thị trường còn lại.

Đối với thị trường hàng hoá, ở vùng DTTS&MN, nền sản xuất hàng hóa còn ở trình độ thấp so với mặt bằng chung của nền kinh tế và không đồng đều giữa các địa bàn. Hoạt động sản xuất của người dân vẫn mang nặng tính tự cung tự cấp. Do vậy, thị trường hàng hóa tại vùng DTTS&MN chưa phát triển đầy đủ, không đa dạng và biến động phức tạp như thị trường hàng hóa tại vùng miền khác. Thậm chí tại một số địa bàn, thị trường hàng hóa vẫn ở cấp độ sơ khai theo mô thức hàng đổi hàng.

Trên phương diện quản lý nhà nước, phát triển thị trường vùng DTTS&MN được thực hiện thông qua các chính sách cụ thể nhằm phát triển các thành tố của thị trường. Tuy nhiên, các chính sách thường không có sự phân chia phạm vi, đối tượng hay mục tiêu theo thành tố thị trường, mà thực tế có sự giao thoa chính sách khá rộng. Do vậy, tiếp cận phát triển thị trường vùng DTTS&MN ở góc độ quản lý nhà nước được phân tích đa chiều và toàn diện. Với quan điểm đó, chính sách phát triển thị trường vùng DTTS&MN được hiểu là hệ thống các quy định, công cụ,

biện pháp nhà nước áp dụng để phát triển thị trường tại vùng DTTS&MN trong trong thời kỳ nhất định nhằm đạt được mục tiêu chung về phát triển vùng DTTS&MN.

2. Những vấn đề cơ bản, cấp bách về phát triển thị trường hàng hoá, lao động, tài chính, khoa học và công nghệ ở vùng DTTS&MN Việt Nam

Qua nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn về phát triển thị trường (hàng hoá, lao động, tài chính, khoa học và công nghệ) ở vùng DTTS&MN, nhóm nghiên cứu đã nhận diện những vấn đề cơ bản, cấp bách về phát triển thị trường hàng hoá, lao động, tài chính, khoa học và công nghệ ở vùng DTTS&MN Việt Nam, theo những nội dung thuộc về từng thị trường như sau.

2.1. Những vấn đề cơ bản, cấp bách về phát triển thị trường hàng hoá ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi Việt Nam

- Thị trường hàng hoá ở vùng DTTS&MN chưa thực sự phát triển, còn ở khoảng cách xa so với trình độ phát triển ở các vùng, miền khác. Do vậy, thị trường hàng hoá chưa phát huy vai trò làm điểm tựa và tạo động lực cho phát triển các loại hình thị trường khác, cũng như cho phát triển nền sản xuất hàng hoá của vùng DTTS&MN;

- Cầu hàng hoá trên thị trường vùng DTTS&MN còn nhỏ bé về quy mô và yếu về sức cầu. Cầu hàng hoá trên thị trường vùng DTTS&MN còn nghèo và thiếu đa dạng về chủng loại hàng hoá, trình độ tiêu dùng thấp. Còn ở khoảng cách khá xa so với cầu của các vùng khác trong cả nước, cũng như giữa các nhóm dân tộc và giữa dân tộc ở các vùng, miền khác nhau trên địa bàn cả nước; giữa nhóm dân tộc có dân số đông với nhóm dân tộc thiểu số ít người... Nguyên nhân sâu xa do thu nhập của bà con thấp; sản xuất hàng hoá của Vùng chậm phát triển. Sản xuất hàng hoá ở vùng DTTS&MN là cách thức quan trọng để tạo việc làm ổn định và tăng thu nhập, từ đó đóng vai trò quyết định đến tăng sức mua, tăng tổng cầu tiêu dùng hàng hoá trên thị trường;

- Cung hàng hoá trên thị trường nhỏ về quy mô, nghèo về chủng loại và chất lượng hàng hoá. Thiếu vùng sản xuất hàng hoá tập trung, đủ lớn để thu hút doanh nghiệp và các nhà đầu tư vào sản xuất và kinh doanh của Vùng. Thiếu vắng chuỗi ngành hàng chiến lược đáp ứng nhu cầu của thị trường trong nước và hướng đến xuất khẩu, trọng tâm là sản xuất nông, lâm nghiệp, đồng thời qua đó kết nối thị trường cho các sản phẩm của bà con đồng bào dân tộc thiểu số.

Thiếu các điều kiện để đồng bào DTTS tham gia vào các dịch vụ công ích (trồng rừng, bảo vệ môi trường, quốc phòng), hỗ trợ phát triển sản xuất kết nối với thị trường, ổn định cuộc sống và tăng sản lượng sản xuất.

- Chưa hội tụ được các điều kiện và môi trường để thu hút sự tham gia của các doanh nghiệp trong sản xuất, phát triển các mô hình liên kết giữa doanh nghiệp

với đồng bào DTTS để thúc đẩy nền sản xuất hàng hóa tập trung, hiện đại, từ đó tạo ra lượng hàng hóa với sản lượng lớn, đảm bảo chất lượng để cung ứng cho thị trường. Mô hình kinh tế tập thể và hợp tác xã chưa phát huy được vai trò trong sản xuất, cung ứng và kết nối cung cầu của thị trường;

- Trình độ, nhận thức, thể trạng con người, năng lực phát triển sinh kế, hình thành sản xuất sản phẩm theo hướng sản xuất hàng hóa, gắn với thị trường trong nước và thị trường xuất khẩu của bà con DTTS còn nhiều hạn chế;

- Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu ở vùng đồng bào DTTS, nhất là hạ tầng giao thông ở vùng cao, vùng biên giới vẫn còn thiếu thốn, chưa đồng bộ, gây khó khăn cho cung ứng hàng hóa từ các vùng, miền khác trên cả nước đến với thị trường hàng hóa của vùng. Hạ tầng thương mại còn nghèo nàn lạc hậu, thiếu thốn, xa dân cư. Còn nhiều vấn nạn và vi phạm trong hoạt động thương mại biên giới và trao đổi hàng hoá của cư dân vùng biên; Thiếu các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh, đặc biệt trong cung ứng hàng hoá thiết yếu cho bà con;

- Hệ thống kết cấu hạ tầng thiết yếu và tổ chức thị trường để kết nối cung cầu ở các xã đặc biệt khó khăn vùng DTTS&MN còn khoảng trống, chưa tạo thuận lợi cho hoạt động giao lưu hàng hóa, kết nối cung cầu. Thiếu hệ thống thông tin và những tín hiệu dẫn dắt thị trường để sản xuất đáp ứng với nhu cầu thị trường. Thiếu cơ chế và điều kiện thu hút lực lượng doanh nghiệp tham gia phân phối hàng hóa để phát triển kênh phân phối rộng khắp trên thị trường, tạo thuận lợi hơn trong hoạt động mua bán hàng hóa vùng đồng bào DTTS&MN.

- Những hạn chế chủ yếu về chính sách phát triển thị trường hàng hoá: còn thiếu chính sách trực tiếp về phát triển thị trường hàng hóa ở vùng DTTS&MN, cũng như thiếu những chính sách đặc thù gắn với từng vùng dân tộc hay của từng nhóm DTTS, nên hiệu quả và tính khả thi của chính sách chưa cao; mục tiêu của các chính sách đã được ban hành hầu hết chỉ tập trung ở các chỉ tiêu định tính, chưa đề cập đến chỉ tiêu định lượng, nên khó khăn cho việc đánh giá mức độ hoàn thành của chính sách; chính sách phát triển thị trường hàng hóa vùng DTTS&MN được ban hành thời gian qua còn dàn trải, nên thiếu nguồn lực để thực hiện; một số chính sách còn chồng chéo, thiếu tính đồng bộ, giữa các chính sách ban hành trước và sau, chưa kết nối một cách liên tục và hiệu quả về nội dung và nhiệm vụ....Chính sách phát triển kênh phân phối hàng hóa vùng DTTS&MN chưa gắn với đặc điểm của từng khu vực thị trường, đặc điểm của từng nhóm dân tộc để đảm bảo hiệu quả, khả thi.

2.2. Những vấn đề cơ bản, cấp bách về phát triển thị trường lao động ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi

- Vùng DTTS&MN còn thiếu các điều kiện đồng bộ để hình thành và phát triển thị trường lao động;

- Thị trường lao động ở vùng DTTS&MN chưa phát triển đồng bộ về cơ cấu, chưa đồng đều về trình độ giữa các bộ phận hợp thành.
- Chất lượng và trình độ lao động vùng DTTS&MN còn thấp, chưa đáp ứng được nhu cầu tuyển dụng và sử dụng lao động của các ngành nghề trong và ngoài vùng;
 - Mất cân đối và bất cập trong cơ cấu lao động vùng DTTS&MN.
 - Chuyên dịch cơ cấu việc làm vùng DTTS &MN chậm, tình trạng thiếu việc làm trong thanh niên tăng.
 - Trên thị trường có ít việc làm phù hợp với lao động vùng DTTS&MN
 - Nhu cầu lao động và việc làm tại địa bàn còn thấp, đặc biệt là lao động thanh niên. Vì vậy, có sự di chuyển lao động thanh niên đi làm việc ở các địa phương khác, gây nên nhiều hệ lụy về gia đình và xã hội trong Vùng, nhất là trong dài hạn, khi các lao động hết thời hạn đi lao động và trở về quê hương;
 - Hệ thống quản lý lao động và việc làm ở vùng DTTS&MN đang ở trong giai đoạn biến đổi sâu sắc.
 - Luật Lao động và các văn bản pháp lý khác thể hiện vai trò can thiệp tích cực của Nhà nước để đảm bảo hiệu quả hoạt động của thị trường lao động chưa đầy đủ hoặc chưa có.
 - Cơ sở hạ tầng xã hội và cơ sở hạ tầng của thị trường lao động chưa tương thích với cơ chế thị trường
 - Chính sách đào tạo nghề, giải quyết việc làm gắn với phát triển nguồn nhân lực vùng DTTS&MN còn ít và chưa đầy đủ.
 - Hệ thống dịch vụ giới thiệu việc làm vùng DTTS&MN phân bố chưa rộng khắp, chưa có cấu trúc tổ chức rõ ràng, chưa đảm bảo trang bị vật chất cần thiết, đội ngũ cán bộ không đồng bộ.
 - Hệ thống thông tin về thị trường lao động vùng DTTS&MN chưa đầy đủ, chưa đồng bộ, chưa cập nhật.
 - Hạn chế chủ yếu của chính sách phát triển thị trường lao động ở vùng DTTS&MN: Trong xây dựng và triển khai chính sách pháp luật về dân tộc còn thiếu quy định về quy trình xây dựng chính sách; còn thiếu chính sách phát triển thị trường lao động cũng như chính sách phát triển nguồn nhân lực cho vùng đồng bào DTTS; nhiều nội dung chính sách dân tộc còn có sự chồng chéo, chưa sát hợp với thực tiễn hoặc thiếu nguồn lực thực thi, làm hạn chế hiệu quả của chính sách; công tác kiểm tra, thanh tra, sơ kết, tổng kết thực hiện chính sách dân tộc chưa được thực hiện thường xuyên; công tác rà soát xây dựng, chỉnh sửa, hoàn thiện một số đề án, chính sách dân tộc còn chậm, chất lượng còn hạn chế.

2.3. Những vấn đề cơ bản, cấp bách về phát triển thị trường tài chính ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi

- Vùng DTTS&MN chưa đủ các điều kiện để hình thành và phát triển thị trường tài chính.

- Thị trường tài chính vùng DTTS&MN chưa phát triển đồng bộ về cơ cấu, chưa đồng đều về quy mô, loại hình và trình độ giữa các bộ phận hợp thành.

- Quy mô, cơ cấu hàng hóa trên thị trường tài chính còn nhỏ và yếu.

- Thị trường tài chính hoạt động chưa thực sự mang tính thị trường đầy đủ và chưa đồng bộ, gắn kết với các thị trường khác trong nền kinh tế.

- Khả năng tiếp cận các kênh huy động vốn từ thị trường tài chính của vùng DTTS&MN còn hạn chế.

- Hạn chế của chính sách phát triển thị trường tài chính ở vùng DTTS&MN nước ta thời kỳ từ năm 1986 đến nay: Khả năng về nguồn lực thực hiện chính sách còn yếu; NHCSXH còn khó khăn trong việc đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ tài chính; Công tác tuyên truyền của NHCSXH để nâng cao nhận thức của người dân về tài chính toàn diện còn nhiều khó khăn; Chất lượng tín dụng chính sách chưa đồng đều, tại một số vùng, địa phương tỷ lệ nợ quá hạn còn cao; Lãi suất cho vay thấp tạo ra các hiệu ứng bất cập trên thị trường tài chính; Việc bố trí nguồn vốn chưa kịp thời để bảo đảm chủ động thực hiện các chương trình tín dụng theo kế hoạch được duyệt; Hoạt động tín dụng chính sách mới chỉ dừng lại ở mức triển khai đối với một số đối tượng chính sách cụ thể, chưa có chính sách tín dụng đặc thù dành riêng cho đồng bào DTTS&MN nói chung.

- Hiện nay, nhiều chính sách liên quan đến phát triển thị trường tài chính đang được áp dụng chung cho tất cả các vùng, miền là chưa phù hợp, vì mỗi vùng đều có đặc thù, đặc biệt là ở vùng DTTS&MN với đặc trưng đa dạng và phong phú trải rộng trên địa bàn cả nước; chính sách phải hướng tới thúc đẩy sản xuất và sinh kế và cải thiện điều kiện sống của người dân ở vùng DTTS&MN; Chính sách tín dụng chưa có chính sách đột phá về thời hạn cho vay và mức cho vay (thời hạn cho vay ngắn, chỉ tối đa là 5 năm); Hiệu quả phối hợp giữa các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật, chuyên giao công nghệ của các tổ chức Nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, các doanh nghiệp và các tổ chức chính trị - xã hội với hoạt động tín dụng chính sách của ngân hàng chính sách xã hội chưa cao; Một số yếu tố chưa tương xứng với sự phát triển chung của thị trường; Về tăng trưởng kinh tế, hiện nay còn thiếu các cơ chế đồng bộ và hiệu quả trong huy động nguồn lực để phát triển thị trường tài chính vùng DTTS&MN.

2.4. Những vấn đề cơ bản, cấp bách về thị trường khoa học và công nghệ ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi

- Chưa có thị trường khoa học và công nghệ ở Vùng DTTS&MN, ở đây cũng chưa có đủ các điều kiện để hình thành và phát triển thị trường KH&CN.

- Chuyên giao công nghệ đến các doanh nghiệp ở vùng DTTS&MN còn rất ít và chậm;

- Kết nối giữa nhà khoa học, viện trường; tổ chức trung gian và doanh nghiệp tại khu vực DTTS&MN còn hạn chế;

- Khoảng cách lớn giữa cung và cầu về sản phẩm KH&CN tại vùng DTTS&MN;

- Chưa có tổ chức trung gian đủ mạnh để cung cấp dịch vụ kết nối trong giao dịch công nghệ, tài sản trí tuệ;

- Trình độ và năng lực của doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh tại vùng DTTS&MN trong nghiên cứu và phát triển, áp dụng, chuyên giao KH&CN còn nhiều hạn chế;

- Nhu cầu của doanh nghiệp tại vùng DTTS&MN trong nghiên cứu, phát triển, áp dụng, chuyên giao KH&CN còn thấp; Tiềm lực tài chính rất hạn hẹp để mua và nhận chuyên giao KH&CN;

- Thương mại hóa, chuyên giao kết quả nghiên cứu còn rất hạn chế;

- Thiếu chính sách hỗ trợ của nhà nước trong phát triển thị trường KH&CN nói chung và ở vùng DTTS&MN nói riêng;

- Còn rất nhiều khó khăn trong phát triển thị trường KH&CN; thực tế triển khai áp dụng khoa học – kỹ thuật trong nhiều ngành nghề vẫn và rất chậm còn hạn chế; Giá trị và lượng hàng hóa KH&CN được giao dịch ở vùng DTTS&MN nước ta hiện nay chưa nhiều; Cung trực tiếp sản phẩm KH&CN tại thị trường rất ít, hầu như chưa có doanh nghiệp KH&CN đúng nghĩa; Tổ chức trung gian thị trường KH&CN hầu như chưa có; Các địa phương, các cấp, các ngành chưa thực sự chủ động quan tâm đến phát triển KH&CN của ngành và địa phương mình.

3. Giải pháp cơ bản, cấp bách về phát triển thị trường hàng hoá, lao động, tài chính, khoa học và công nghệ ở vùng DTTS&MN Việt Nam đến năm 2030

Bài toán đang đặt ra trong thời kỳ mở cửa, hội nhập quốc tế sâu rộng, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, thực hiện các mục tiêu và chiến lược phát triển kinh tế xã hội của quốc gia, sẽ là chiến lược, chính sách và giải pháp nào phát triển các loại thị trường ở vùng DTTS&MN. Một trong những giải pháp và cũng là nhiệm vụ quan trọng là phát triển đồng bộ các loại thị trường, trong đó, định vị thị trường vùng DTTS&MN, sẽ phải tập trung vào các vấn đề cơ bản cấp bách nào.

Đó là: Phát hiện và kích hoạt các yếu tố tạo nên sự tăng trưởng cả về cung và cầu thị trường; Hỗ trợ và tạo động lực cho những yếu tố là hạn chế, yếu kém của cả cung và cầu; Chuyển biến tâm lý và thói quen, khơi gợi và thúc đẩy tính tự giác, tự chủ, tự cường, sáng tạo và chống lại tâm lý trông chờ và ỷ lại, kích thích sáng tạo và khơi dậy ý chí làm giàu chính đáng... Đây cũng là mục tiêu và yêu cầu tiếp tục đặt ra đối với giải pháp và chính sách phát triển thị trường vùng dân tộc thiểu số và miền núi nước ta trong thời kỳ mới.

3.1. Giải pháp và chính sách cơ bản, cấp bách nhằm phát triển thị trường hàng hóa ở vùng DTTS&MN nước ta đến năm 2030

- Nhanh chóng giải quyết dứt điểm và có hiệu quả các vấn đề về đất đai vùng DTTS&MN

Tập trung giải quyết tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất phục vụ sản xuất, chăn nuôi cho đồng bào DTTS; Tạo đột phá trong công tác quản lý và sử dụng đất đai, tập trung ổn định người sử dụng đất tại chỗ, bảo vệ đất đai và tăng cường công tác quản lý đất đai có nguồn gốc từ nông, lâm trường; Tăng cường bảo vệ và phát triển vốn tài nguyên rừng, tăng độ che phủ trồng rừng.

- Phát triển mạnh sản xuất hàng hóa theo hướng tập trung để tạo ra lượng hàng đủ lớn, chất lượng sản phẩm được nâng cao để cung ứng cho thị trường tại vùng DTTS&MN

Các cấp chính quyền đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hoá, phát huy thế mạnh của địa phương, phù hợp với văn hoá, tập quán từng dân tộc; Tăng cường công tác khuyến nông, khuyến lâm đối với vùng DTTS&MN; Phát triển thị trường các yếu tố đầu vào phục vụ sản xuất để tạo điều kiện thuận lợi phát triển sản xuất nông nghiệp - vốn là ngành kinh tế chủ lực của vùng DTTS&MN, có vai trò mang tính quyết định đến nguồn cung hàng hóa trên thị trường.

- Đẩy mạnh tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo hướng tập trung đối với những sản phẩm có lợi thế, vừa phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng của Vùng, vừa mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội đối với bà con đồng bào vùng DTTS&MN

Nghiên cứu và ứng dụng các tri thức bản địa để phát triển bền vững Vùng; Tiếp tục tổng kết, đánh giá và tổ chức áp dụng mô hình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) tại vùng DTTS&MN phù hợp với truyền thống, với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng của từng xã tại các vùng DTTS&MN; Tận dụng lợi thế về điều kiện địa hình, khí hậu, cảnh quan thiên nhiên, hạ tầng kinh tế - xã hội của vùng dân tộc thiểu số để thúc đẩy phát triển kinh tế du lịch; lựa chọn và áp dụng các mô hình du lịch nông thôn, miền núi, du lịch sinh thái phù hợp với điều kiện của địa phương, gắn với phát triển các sản phẩm OCOP truyền thống ...

- Thúc đẩy tiếp cận, chuyển giao khoa học và công nghệ, áp dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp để nâng cao chất lượng, giá trị của sản phẩm nông sản của đồng bào vùng DTTS&MN

Tiếp tục hoàn thiện đồng bộ hệ thống chính sách tạo hành lang pháp lý phát triển nông nghiệp công nghệ cao; khuyến khích các hình thức liên kết hợp tác, liên kết tổ chức sản xuất gắn với chế biến sâu, xây dựng quảng bá thương hiệu và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Tiếp tục hỗ trợ doanh nghiệp về đào tạo nguồn nhân lực, phát triển thị trường, xây dựng thương hiệu sản phẩm, tham gia triển lãm, hội chợ trong nước, ngoài nước;

Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả công tác nghiên cứu, chuyển giao công nghệ nhằm đáp ứng yêu cầu cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng hiện đại, nâng cao giá trị gia tăng đối với sản xuất nông nghiệp vùng DTTS&MN;

Hỗ trợ doanh nghiệp trong huy động nguồn vốn để ứng dụng các công nghệ tiên tiến trong từng khâu của quá trình sản xuất, từ áp dụng giống mới, quy trình canh tác tiên tiến, hình thành chuỗi liên kết với hộ đồng bào để xây dựng chuỗi giá trị sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng;

Hỗ trợ tiếp cận khoa học công nghệ thông qua đào tạo kỹ thuật cho đội ngũ cán bộ kỹ thuật cơ sở; tập huấn cho người dân vùng dự án, đẩy mạnh các chương trình giao lưu, trao đổi khoa học và công nghệ giữa các khu vực, các vùng; Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS, đồng thời mở các lớp tập huấn, chuyển giao khoa học, kỹ thuật để đồng bào học hỏi kinh nghiệm, áp dụng vào các mô hình sản xuất nông nghiệp công nghệ cao.

- Xác định doanh nghiệp là hạt nhân, đóng vai trò then chốt, quyết định đến sự phát triển sản xuất nông nghiệp của vùng DTTS&MN để từ đó có những chính sách hỗ trợ hiệu quả đối với doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất nông nghiệp của Vùng

Hoàn thiện, tạo hành lang pháp lý và cơ chế thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, đặc biệt là đối với doanh nghiệp đầu tư vào vùng DTTS&MN; Cùng với xây dựng hành lang pháp lý và cơ chế để thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, Nhà nước và chính quyền địa phương vùng DTTS&MN cần có những hỗ trợ mang tính đặc thù, nhưng đảm bảo thiết thực và hiệu quả cho doanh nghiệp.

- Đẩy mạnh phát triển mô hình hợp tác xã nông nghiệp và dịch vụ

Tiếp tục nâng cao nhận thức về kinh tế tập thể (KTTC); Tiếp tục hoàn thiện khung pháp luật và chính sách hỗ trợ phát triển KTTC, kinh tế HTX; Rà soát, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật có liên quan (đất đai, thuế, tín dụng...). Chú trọng nhân rộng mô hình các hợp tác xã thực hiện liên kết hoặc thuê đất của người dân để sản xuất và bao tiêu sản phẩm; Đẩy mạnh đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt

động của các tổ chức KTTT, kinh tế HTX gắn với phát huy vai trò làm chủ, tăng cường lợi ích của thành viên; Xây dựng, tổng kết và nhân rộng mô hình HTX hoạt động hiệu quả sản xuất theo chuỗi giá trị, gắn với Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP); Tăng cường và đẩy mạnh các hình thức hợp tác quốc tế về phát triển KTTT, kinh tế HTX; tiếp thu kinh nghiệm phù hợp, kỹ thuật phát triển, thành lập và nâng cao năng lực trợ giúp tổ chức KTTT, kinh tế HTX vùng DTTS&MN.

- Thu hút đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Đẩy mạnh phát triển mô hình mỗi xã một sản phẩm OCOP

Nâng cao hiệu quả thông tin thị trường ở vùng DTTS&MN; Tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện quy hoạch, định hướng tổ chức sản xuất, kế hoạch sản xuất nông nghiệp; hướng dẫn, chỉ đạo các địa phương tổ chức lại sản xuất theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung gắn với tiêu thụ sản phẩm; Hướng dẫn áp dụng các biện pháp kỹ thuật sản xuất an toàn, chứng nhận sản phẩm đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc; Cung ứng đầy đủ kịp thời, đảm bảo chất lượng về giống, vật tư phục vụ cho sản xuất; Hỗ trợ quảng bá sản phẩm OCOP để xây dựng và bảo vệ thương hiệu đối với các sản phẩm ở các địa phương miền núi, vùng đồng bào DTTS&MN để mở rộng thị trường tiêu thụ.

- Tiếp tục đầu tư về hạ tầng giao thông để tạo thuận lợi trong hoạt động vận chuyển, cung ứng và trao đổi hàng hóa từ các vùng, miền khác đến vùng DTTS&MN.

- Hỗ trợ hiệu quả hơn đối với các doanh nghiệp, nhà phân phối cung ứng hàng hóa từ các vùng, miền khác trên cả nước khi tham gia thị trường hàng hóa vùng DTTS&MN.

- Phát triển hạ tầng thương mại biên giới

- Nhóm giải pháp nhằm tăng thu nhập và mức sống của dân cư, tạo điều kiện để tăng nhu cầu tiêu dùng sản phẩm, tăng sức mua trên thị trường.

- Nhóm giải pháp tạo thuận lợi trong mua bán hàng hóa, tăng sức mua trên thị trường

- Nhóm giải pháp tạo lượng hàng hóa phong phú, đa dạng, giá cả hợp lý để tăng sức mua trên thị trường

- Xây dựng, thực hiện các chính sách khuyến khích sản xuất nông sản đặc trưng, đặc sản miền núi tiêu thụ qua kênh phân phối hiện đại.

- Phát triển liên kết trong chế biến, bảo quản, sơ chế để nâng cao giá trị nông sản đặc trưng, đặc sản đáp ứng yêu cầu của kênh phân phối hiện đại.

- Lựa chọn sản phẩm, xây dựng một số mô hình liên kết sản xuất sản phẩm và tiêu thụ nông sản đặc trưng, đặc sản khu vực miền núi.

- Tăng cường kết nối thị trường cho sản phẩm đặc trưng vùng miền DTTS&MN

- Phát triển nguồn hàng của vùng DTTS&MN phục vụ xuất khẩu.

Về phía nhà nước: Xây dựng và ban hành chiến lược hội nhập quốc gia và chiến lược sản phẩm riêng gắn với đặc thù của vùng DTTS&MN ở nước ta để vùng này có thể gia nhập vào thị trường thế giới theo hướng hình thành được nguồn cung lớn, thị trường lớn;

Cùng với chương trình hỗ trợ xóa đói, giảm nghèo cần triển khai hỗ trợ thêm về vốn tín dụng cung cấp phục vụ sản xuất đối với đồng bào vùng DTTS&MN để chuyển nhanh từ sản xuất manh mún, quy mô nhỏ lẻ, lạc hậu sang tổ chức sản xuất theo hướng tập trung và theo cơ chế thị trường một cách chắc chắn, đảm bảo giảm chi phí và có lợi nhuận; Tập trung phát triển các vùng trọng điểm sản xuất hàng hóa, xây dựng một số chuỗi ngành hàng chiến lược phục vụ xuất khẩu và thị trường trong nước, trọng tâm là sản xuất nông - lâm nghiệp, nhằm kết nối thị trường cho các sản phẩm được đầu tư phát triển; Tùy theo đặc điểm của điều kiện tự nhiên và dân tộc của từng vùng, tập trung tạo điều kiện để người DTTS tham gia cung cấp dịch vụ công ích (trồng rừng, bảo vệ môi trường, quốc phòng), hỗ trợ phát triển sản xuất kết nối với thị trường, ổn định cuộc sống.

Nâng cao trình độ nhận thức, thể trạng con người, năng lực phát triển sinh kế, từng bước hình thành sản xuất sản phẩm gắn với thị trường.

Xác định doanh nghiệp đóng vai trò trung tâm, là nhân tố quyết định đưa sản phẩm của đồng bào vùng DTTS&MN ra thị trường thế giới.

Xây dựng hệ thống tìm hiểu thông tin thị trường tại các nước, huy động hệ thống tham tán thương mại, kết nối với các tổ chức chuyên nghiên cứu thị trường ở các nước xuất khẩu đối với các sản phẩm của vùng DTTS&MN.

- Tăng cường công tác thông tin thị trường, xúc tiến thương mại, kết nối sản phẩm hàng hóa của vùng DTTS&MN với thị trường xuất khẩu.

- Phát triển các trung gian thị trường gắn với đặc thù của từng khu vực thị trường, từng vùng, từng nhóm dân tộc.

Hình thành hệ thống thu mua sản phẩm qua thương lái và mạng lưới thu gom hàng hóa của doanh nghiệp, đây là kênh phân phối có khả năng thâm nhập sâu nhất vào thị trường, là thành tố chính hình thành các chuỗi cung ứng hàng hóa vùng DTTS&MN; Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào vùng DTTS&MN trên cơ sở có chính sách hỗ trợ hiệu quả hơn về thuế, đất, tín dụng, cũng như tiếp tục hoàn thiện thể chế, cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm mạnh các rào cản về điều kiện kinh doanh trong nông nghiệp; tạo sức hấp dẫn doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp; Đẩy mạnh việc hình thành và phát triển chuỗi liên kết sản xuất- tiêu thụ để tăng quy mô sản xuất, giảm chi phí sản phẩm, góp phần nâng cao lợi ích của các tác nhân tham gia chuỗi giá trị, đặc biệt là đối với đồng bào DTTS; Chính quyền địa phương trong vùng DTTS&MN cần tiếp tục hỗ trợ đồng bào áp dụng mô hình

liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, như hỗ trợ tư vấn liên kết; đào tạo, tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật, đào tạo nghề; hỗ trợ về giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm; chuyên giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới theo mô hình ứng dụng công nghệ cao...

- Nhóm giải pháp và chính sách cơ bản, cấp bách nhằm hoàn thiện môi trường kinh doanh ở vùng DTTS&MN

Đối với đầu tư, xây dựng và thực thi chính sách, biện pháp thu hút mạnh mẽ đầu tư trong và nước ngoài vào vùng DTTS&MN thông qua môi trường đầu tư thông thoáng có ưu đãi gắn với đặc thù địa phương, luật pháp rõ ràng và cơ sở hạ tầng tốt...;

Đối với xuất nhập khẩu, xây dựng, hoàn thiện chính sách XNK theo hướng tập trung vào các chính sách bộ phận như phát triển thị trường XNK, phát triển mặt hàng XNK và phát triển thương nhân nhằm khai thác có hiệu quả tiềm năng và phát huy lợi thế của từng địa phương trong Vùng;

Đối với thương mại biên giới, nghiên cứu xây dựng định hướng chiến lược phát triển thương mại biên giới giữa Việt Nam với các nước có chung đường biên giới theo hướng ổn định, bền vững. Đồng thời, tăng cường thực thi các quy định pháp luật về quản lý hoạt động thương mại biên giới.

Tăng cường công tác liên kết, phát triển vùng trên các lĩnh vực như nông nghiệp, du lịch, công nghiệp và thương mại... nhằm tạo ra môi trường đầu tư và cơ chế, chính sách phù hợp để thúc đẩy phát triển kinh tế- xã hội và thị trường hàng hóa vùng DTTS&MN.

3.2. Nhóm giải pháp và chính sách cơ bản, cấp bách nhằm phát triển thị trường lao động ở vùng DTTS&MN nước ta đến năm 2030

- Giải pháp phát triển cung lao động vùng DTTS&MN

Chuyển đổi mạnh mẽ các chính sách và biện pháp hỗ trợ trực tiếp mang tính chất "cho không" sang tạo cơ hội cho đồng bào dân tộc thiểu số tự vươn lên thoát nghèo và cải thiện đời sống.

Coi trọng công tác đào tạo nghề cho người lao động dân tộc thiểu số, theo phương pháp đào tạo tại chỗ, "cầm tay chỉ việc".

Xây dựng và thực thi chính sách đặc biệt, riêng biệt nhằm: Nâng cao dân trí, tay nghề, kỹ năng, chính sách dạy nghề cho người dân tộc thiểu số; Gắn bảo vệ phát triển rừng với đời sống sản xuất, xã hội của đồng bào dân tộc thiểu số;...

Tăng cường sự tham gia của người dân ở vùng đặc biệt khó khăn trong quá trình hoạch định, thực hiện và giám sát chính sách.

Đầu tư tạo tiền đề cho sự ra đời và kích thích sự phát triển của các loại thị trường liên quan đến thị trường lao động.

- Giải pháp phát triển cầu lao động vùng DTTS&MN

Các chính sách cần chú trọng hơn trong việc đầu tư phát triển để khai thác các thế mạnh vùng DTTS&MN. Trong đó, có chính sách khuyến khích đầu tư mạnh mẽ và hấp dẫn hơn vào vùng DTTS&MN.

Tạo môi trường và điều kiện thu hút các loại hình doanh nghiệp đầu tư và hoạt động tại vùng DTTS&MN.

Cần bảo đảm nguồn lực thực hiện chính sách phù hợp, tránh bố trí dàn trải.

Nhà nước và chính quyền địa phương cần có chính sách và tạo các điều kiện để thu hút các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh tại địa phương và sử dụng lao động tại chỗ.....

- Giải pháp phát triển trung gian thị trường lao động vùng DTTS&MN

Tăng cường hợp tác giữa các cơ sở giáo dục với các đơn vị khác nhằm đảm bảo thông tin về thị trường lao động được chia sẻ giữa các bên liên quan về nhu cầu và khả năng đào tạo, để các trường có cách thức, chương trình đào tạo phù hợp với yêu cầu thực tiễn của vùng DTTS&MN.

Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng cho đội ngũ nhân viên của các trung tâm hướng nghiệp, đồng thời đầu tư nâng cấp trang thiết bị cho các trung tâm này.

Triển khai các dự án hỗ trợ đào tạo phát triển trồng trọt, chăn nuôi, phát triển các ngành nghề truyền thống... gắn với điều kiện kinh tế xã hội cho phụ nữ dân tộc thiểu số góp phần giúp cho các hộ gia đình DTTS mà nữ giới làm chủ hộ

Chính sách tự tạo việc làm thông qua các hỗ trợ về nguồn lực xã hội, nguồn lực tài chính... để cải thiện sinh kế đối với đồng bào vùng cao và dân tộc ít người tất yếu phải dựa trên nguyên tắc phát huy tiềm năng tại chỗ về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội gắn với đặc điểm người lao động trong Vùng;

Cần có chính sách phù hợp hơn trong tổ chức, đào tạo và tạo các điều kiện để bà con DTTS có thể tham gia đi lao động ở nước ngoài;

Xây dựng đồng bộ các chính sách về thị trường, mặt hàng, các chính sách về tài chính tiền tệ, đất đai, lao động, khoa học và công nghệ, đầu tư,....

3.3. Nhóm giải pháp và chính sách cơ bản, cấp bách nhằm phát triển thị trường tài chính ở vùng DTTS&MN nước ta đến năm 2030

- Tăng cường nguồn vốn cho thị trường tài chính vùng DTTS&MN

Nguồn vốn ngân sách nhà nước. Ưu tiên bố trí vốn cho Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trong giai đoạn 2021- 2030, trong phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

Nguồn vốn tín dụng. Đa dạng hóa nguồn vốn tín dụng chính sách; Kết hợp chặt chẽ giữa tín dụng chính sách với tín dụng thương mại; Điều chỉnh lãi suất cho vay phù hợp đối với từng đối tượng

- Đa dạng hóa nhà đầu tư trên thị trường

Đa dạng hóa cơ sở nhà đầu tư nhằm tăng cầu cho thị trường tài chính, thu hút thêm nguồn vốn cho thị trường vốn; Phát triển hệ thống nhà đầu tư, đặc biệt nhà đầu tư tổ chức là một nhiệm vụ quan trọng trên thị trường tài chính vùng DTTS&MN; Khuyến khích thành lập và tham gia vào thị trường của các nhà đầu tư khác như Bảo hiểm tiền gửi, quỹ hưu trí, quỹ đầu tư, các cơ quan nhà nước (SCIC, DATC) thông qua các biện pháp như quy định tỷ lệ phân bổ đầu tư buộc phải đầu tư một phần tài sản vào chứng khoán, ưu đãi thuế, giảm yêu cầu khi thành lập mới ở vùng DTTS&MN; Đa dạng hóa sản phẩm, đặc biệt là sản phẩm mang tính phòng vệ (hedging) như chứng khoán phái sinh, thoái vốn từ các tập đoàn, tổng công ty nhà nước, đáp ứng nhu cầu của các nhà đầu tư tổ chức; Tăng cường thu hút nhà đầu tư nước ngoài bằng cách tập trung phát triển thị trường về chiều sâu, giảm rủi ro cho các nhà đầu tư nước ngoài khi tiến hành đầu tư vào Việt Nam; nới lỏng tỷ lệ nắm giữ của khối ngoại tại các DN thuộc ngành nghề Nhà nước không cần chi phối, hoặc tăng tỷ lệ sở hữu tối đa của nhà đầu tư nước ngoài thông qua cổ phiếu không có quyền biểu quyết.

- Tăng cường sự tham gia của các định chế tài chính và nhà đầu tư nước ngoài. Tiếp tục phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động và vai trò của các Hiệp hội nghề nghiệp trong lĩnh vực dịch vụ tài chính và thị trường vốn; Phát triển các định chế trung gian và dịch vụ thị trường.

- Tiếp tục mở rộng và phát triển thị trường vốn. Tự do hóa hoạt động thị trường theo hướng loại bỏ bớt các điều kiện tiếp cận thị trường, cho phép các tổ chức dễ dàng tiếp cận thị trường tài chính ở vùng DTTS&MN;

- Nâng cao hiệu quả kiểm soát vốn. Để đạt được những mục tiêu tăng trưởng nhanh, bền vững, thị trường tài chính vùng DTTS&MN cần có một lượng lớn vốn đầu tư tăng thêm mỗi năm.

- Hoàn thiện khung pháp lý, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, giám sát của Nhà nước. Đẩy mạnh việc hợp tác, tư vấn, nghiên cứu để hoàn thiện môi trường pháp lý cho thị trường nói chung và dịch vụ nói riêng như dịch vụ uỷ thác, giao dịch các công cụ phái sinh ... thúc đẩy sự phát triển của thị trường vốn theo chiều sâu trên cơ sở đa dạng hóa sự tham gia của các định chế tài chính trong và ngoài nước.

- Nâng cao kiến thức tài chính của người dân vùng DTTS&MN.

3.4. Nhóm giải pháp và chính sách cơ bản, cấp bách nhằm phát triển thị trường khoa học và công nghệ ở vùng DTTS&MN nước ta đến năm 2030

- Phát triển các loại hình thị trường liên quan để thúc đẩy sự hình thành và phát triển thị trường khoa học và công nghệ;

- Hoàn thiện thể chế hỗ trợ phát triển thị trường khoa học và công nghệ vùng DTTS&MN;

- Nhà nước tạo lập và thúc đẩy nhu cầu cũng như cung ứng các sản phẩm khoa học và công nghệ ở vùng DTTS&MN thông qua khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới và nâng cao năng lực công nghệ, năng lực hấp thụ công nghệ;

- Nhà nước áp dụng các giải pháp nhằm thúc đẩy nguồn cung về khoa học và công nghệ cho thị trường ở vùng DTTS&MN;

- Phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ cho vùng DTTS&MN;

- Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến, tư vấn, môi giới chuyển giao công nghệ

- Tăng cường hoạt động thông tin, tuyên truyền để chủ trương thúc đẩy các hoạt động khoa học và công nghệ đến các cấp, ngành và người dân ở Vùng DTTS&MN;

Để phát triển các thị trường ở vùng DTTS&MN, giải pháp căn cơ nhất, quan trọng nhất vẫn là tập trung vào các biện pháp để nâng cao đời sống vật chất, văn hoá và tinh thần của đồng bào. Đặc biệt là tạo các điều kiện để nâng cao thu nhập cho cư dân trong Vùng và đẩy mạnh nền sản xuất theo hướng sản xuất hàng hoá và theo hướng thị trường.

3.5. Một số kiến nghị về chương trình nghiên cứu khoa học và đề án nhằm phát triển thị trường ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi

- Kiến nghị đối với Ủy ban Dân tộc

Ủy ban Dân tộc cần tiếp tục xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện các chương trình khoa học và công nghệ các cấp (cấp Quốc gia, cấp Bộ), các đề tài, đề án và nhiệm vụ nghiên cứu khoa học nhằm phát triển đồng bộ các loại thị trường ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi, cũng như các giải pháp để phát triển các ngành, các lĩnh vực kinh tế, xã hội và môi trường ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi, đảm bảo tính đồng bộ, tính hợp lý, cụ thể và khả thi, gắn kết với các vùng miền trong cả nước trong phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Các chủ đề nghiên cứu về phát triển các loại thị trường, phát triển các ngành, các lĩnh vực về kinh tế, xã hội, môi trường... cần cụ thể và khả thi, gắn với thực tiễn của Vùng dân tộc và thiểu số trong mối quan hệ gắn bó với vùng miền khác. Tránh đặt ra những chủ đề nghiên cứu quá rộng và quá lớn, quá phức tạp, để đảm bảo đạt được hiệu quả và khả thi.

- Kiến nghị đối với các bộ ngành có liên quan

Các Bộ, Ngành có liên quan tiếp tục xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện các chương trình khoa học và công nghệ các cấp nhằm phát triển kinh tế, xã hội và các loại thị trường ở nước ta, trong đó có vùng dân tộc thiểu số và miền núi nước ta trong bối cảnh và điều kiện phát triển mới của đất nước và quốc tế.

Đổi mới và hoàn thiện cơ chế xét duyệt, giao nhiệm vụ cũng như cơ chế tài chính, giải ngân đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.